

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Hoàng;

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 300/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HN ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25//2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thu Th, sinh năm 1975; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 05, khóm L1, phường L2, thị xã T, tỉnh An Giang; Ở hiện nay: Số 60, tổ 16, khóm L3, phường L4, thị xã T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh G, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 05, khóm L1, phường L2, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị Th có mặt tại phiên tòa; anh G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Thu Th trình bày: Chị Th và anh Nguyễn Thanh G tự tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L2, thị xã T, tỉnh An Giang số 99 ngày 11/9/2006. Sau khi kết hôn, chị Th và anh G chung sống với gia đình chị Th tại khóm L3, phường L4, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không cãi nhau. Đến năm 2014, anh G đi làm ở Đồng

Nai, chị Th đi làm ở Bình Dương, hai vợ chồng không sống chung với nhau, kinh tế của ai người đó lo, anh G không gửi tiền cho chị Th nuôi con chung. Đến năm 2017, anh G về sinh sống khóm L1, phường L2, thị xã T, tỉnh An Giang, chị Th về địa phương sinh sống tại khóm L3, phường L4, thị xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Từ khi kết hôn đến nay anh G không có trách nhiệm, không cùng chị Th chăm lo cuộc sống gia đình, chị Th làm kinh tế để chăm lo cuộc sống bản thân và hai con chung. Chị Th cảm thấy mệt mỏi với cuộc sống vợ chồng với anh G. Cuộc sống vợ chồng làm chị Th mệt mỏi không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, không xây dựng hạnh phúc gia đình được nên chị Th kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh G.

Về con chung: Trong thời kỳ, chị Th và anh G có hai con chung tên Nguyễn Thúy V, sinh ngày 21/07/2007 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/01/2013. Hiện tại hai con chung đang sống chung với Th.

Chị Th yêu cầu được nuôi dạy các con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo biên bản lời khai và quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Thanh G trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến chung sống như vợ chồng như chị Th trình bày. Sau khi kết hôn, chị Th và anh G chung sống với gia đình chị Th tại khóm L3, phường L4, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không cãi nhau. Đến năm 2014, anh G đi làm ở Đồng Nai, chị Th đi làm ở Bình Dương, hai vợ chồng không sống chung với nhau, kinh tế của ai người đó lo, anh G không gửi tiền cho chị Th nuôi con chung.

Từ năm 2017 cho đến nay, anh G sống với gia đình anh G và chị Th sống với gia đình chị Th. Ban ngày, anh G làm nghề sửa xe, tối đến có về nhà sống chung với Thủy tại khóm L3, phường L4, thị xã T, thị xã T nhưng không thường xuyên, có khi 01 (một) tháng mới về một lần. Từ khi kết hôn đến nay, kinh tế gia đình Th chăm lo, anh G làm chủ yếu nuôi sống bản thân. Vào Tháng 4/2021 đến nay, Thủy không đồng ý cho anh G cho lên thăm chị Th và con chung, chị Th nói do tình hình dịch Covid -19 nhà ai nấy ở và từ tháng 4/2021 không điện thoại liên hệ với chị Th để thăm hỏi chị Th và con. Anh G còn yêu thương Thủy mong muốn được hàn gắn tình cảm gia đình.

Về con chung: Trong thời kỳ, chị Th và anh G có hai con chung tên Nguyễn Thúy V, sinh ngày 21/07/2007 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/01/2013. Hiện tại hai con chung đang sống chung với Thủy.

Anh G mong muốn được hàn gắn tình cảm gia đình để cùng Th nuôi dạy hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Th và anh G thống nhất: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, anh G vắng mặt; Chị Th giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh G.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và con chung giữa anh G và chị Th tại Hội liên hiệp phụ nữ phường L4 và L2, thị xã T, cụ thể:

- Hội Liên hiệp phụ nữ phường L4, thị xã T cấp: Chị Trương Thị Thu Th có chồng là anh Nguyễn Thanh G. Hiện tại, chị Th sinh sống tại địa phương, anh G không sống cùng chị Th. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì Hội phụ nữ không biết. Chị Th hiện đang bán nước giải khát tại địa phương, thu nhập ổn định. Trong thời kỳ hôn nhân chị Th và anh G có hai con chung tên Nguyễn Thúy V, sinh năm: 2007 và Nguyễn Thanh T, sinh năm: 2013. Hiện nay, hai con chung đang sinh sống với chị Th tại địa phương. Hai con chung được chị Th nuôi dạy tốt, các cháu đi học đúng độ tuổi. Ở địa phương, chị Th chấp hành tốt các quy định, chính sách tại địa phương, có tư cách đạo đức tốt.

- Hội Liên hiệp phụ nữ phường L2, thị xã T cấp: Anh Nguyễn Thanh G và chị Trương Thị Thu Th là vợ chồng. Hiện tại, chị Th và anh G không chung sống với nhau tại địa phương. Chị Th đang sống chung với con tại khóm L3, phường L4, thị xã T; anh G sống tại địa phương, vợ chồng Thủy và Giàu xảy ra mâu thuẫn do anh G hay uống rượu, ít quan tâm, chăm sóc gia đình, nhiều lần Hội liên hiệp phụ nữ phường L2 động viên, giải thích nhưng vợ chồng Th và G không hàn gắn được, anh G vẫn thường xuyên uống rượu, chị Th kiên quyết ly hôn.

Anh G và chị Th có hai con chung Nguyễn Thúy V, sinh năm: 2007 và Nguyễn Thanh T, sinh năm: 2003. Hai con chung đang sống chung với chị Th. Ở địa phương, anh G là công dân tốt, quan tâm giúp đỡ mọi người nhưng hay uống rượu. Anh G làm nghề sửa xe, thu nhập ít không ổn định, không đủ điều kiện nuôi dạy các con chung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng: Căn cứ các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng trong vụ án có gồm nguyên đơn, bị đơn.

+ Việc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu Th và anh Nguyễn Thanh G tự tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên đồng ý anh chị tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại xã L2, huyện A (nay là UBND phường L2, thị xã T) đăng ký số 99 ngày 11/9/2006. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc chị Th cố gắng chịu đựng để chung sống với anh G. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh G ngoại tình chung sống với người phụ nữ khác, không quan tâm lo cho gia đình, chăm sóc vợ con, không tôn trọng chị Th, vợ

chồng thường xuyên bất đồng quan điểm và ly thân từ 2015 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn kéo dài chị Th yêu cầu được ly hôn nhưng anh G không đồng ý vì còn thương vợ con yêu cầu được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy các con.

Nhận thấy, theo biên bản xác minh ngày 13/4/2022 về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị được đại diện chính quyền địa phương phường L2 và phường L4 cung cấp vợ chồng anh G, chị Th hiện không chung sống với nhau tại địa phương, bà Thủy đang sống tại phường L4. Vợ chồng anh chị thường hay xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh G thường hay uống rượu không quan tâm chăm sóc vợ con, nhiều lần Hội liên hiệp phụ nữ địa phương khuyên ngăn anh chị hàn gắn lại tình cảm nhưng không có kết quả. Xét thấy, lời trình bày của chị Th là phù hợp với lời trình bày của đại diện chính quyền địa phương cung cấp. Từ lúc ly thân năm 2015 đến nay anh chị đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm với nhau, làm cho cuộc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Th yêu cầu được ly hôn với anh G là cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh chị có hai người con chung tên Nguyễn Thúy V, sinh ngày 21/11/2007 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/01/2013 hiện hai cháu đang sống với chị Th. Nhận thấy, theo nguyện vọng của hai cháu khi cha mẹ của cháu ly hôn hai cháu V và T yêu cầu được tiếp tục sống với chị Th. Xét thấy, từ lúc anh chị ly thân đến nay hai cháu V và T do chị Th chăm sóc và được tạo điều kiện về mọi mặt nhằm ổn định cuộc sống hai cháu, nghĩ nên tiếp tục giao hai cháu Vy và Tân cho chị Th chăm sóc nuôi dưỡng và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh G trình bày không có nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trương Thị Thu Th được ly hôn với anh Nguyễn Thanh G.

Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị Thu Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Thúy V, sinh ngày 21/11/2007 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/01/2013 và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Trương Thị Thu Th phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Trương Thị Thu Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh G. Anh G có nơi cư trú: tổ 05, khóm L1, phường L2, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Thanh G được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2006, chị Th và anh G tự tìm hiểu, quen biết nhau, thống nhất tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã L2, huyện A (nay là phường L2, thị xã T), tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 99, ngày 11/9/2006 nên hôn nhân giữa chị Th và anh G là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị Th khai, từ khi kết hôn đến nay anh G không có trách nhiệm, không cùng chị Th chăm lo cuộc sống gia đình, chị Th tự làm kinh tế để lo cuộc sống bản thân và hai con chung. Chị Th cảm thấy mệt mỏi với cuộc sống vợ chồng nên chị Th kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh G.

Anh G khai, từ năm 2017 cho đến nay, anh G sống với gia đình anh G và chị Th sống với gia đình chị Th. Ban ngày, anh G làm nghề sửa xe, tối đến có về nhà sống chung với Th tại khóm L3, phường L4, thị xã T, thị xã T nhưng không thường xuyên. Từ khi kết hôn đến nay, kinh tế gia đình do chị Th chăm lo, anh G làm chủ yếu nuôi sống bản thân. Anh G còn yêu thương Th mong muốn được hàn gắn tình cảm gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Anh G không quan tâm chăm sóc gia đình, không phụ giúp kinh tế để chị Th nuôi dạy hai con chung, chị Th mệt mỏi với cuộc sống vợ chồng. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị Th và anh G hàn gắn tình cảm, nhưng anh G chỉ tham gia hòa giải lần đầu, các lần hòa giải sau anh G đều vắng mặt.

Tình trạng vợ chồng chị Th và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững

mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị Th. Xét, cho chị Th ly hôn với anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Th và anh G có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thúy V, sinh ngày 21/07/2007 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/01/2013. Hiện, các con chung đang sống với chị Th.

Khi ly hôn, chị Th yêu cầu nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng. Đồng thời, các cháu V và T có nguyện vọng sống chung với chị Th.

Xét, giao các cháu V và T cho chị Th nuôi dưỡng, anh G không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Trương Thị Thu Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Thanh G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh G không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Anh G không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thu Th.

Chị Trương Thị Thu Th được ly hôn với ông Nguyễn Thanh G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 99, ngày 11/9/2006, do Ủy ban nhân dân xã L2, huyện A (nay là phường L2, thị xã T), tỉnh An Giang cấp cho chị Trương Thị Thu Th và anh Nguyễn Thanh G không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Trương Thị Thu Th được tiếp tục nuôi dạy 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thúy V, sinh ngày 21/07/2007 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/01/2013 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động;

Chị Trương Thị Thu Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không

được cản trở anh Nguyễn Thanh G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trương Thị Thu Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006034 ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh An Giang; Chị Th đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Thanh G không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Th là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh G là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. T (02);
- Chi cục THADS TX. T (01);
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

